

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 530/2020/DS-PT
Ngày: 18/6/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Huỳnh Thị Như Hà
Các Thẩm phán: Ông Lưu Trường Sanh
Bà Lê Thị Mỹ Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 2 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1392/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2306/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4658/2020/QĐPT- DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H; sinh năm 1979, địa chỉ: 158/65/18 PVC, phường 9, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Hồng V (theo giấy ủy quyền ngày 12/11/2018. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1/ Ông Trần Trung K; sinh năm 1960;

2/ Bà Lê Phụng D, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: 40 đường số 2, cư xá ĐT, Phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Thanh T (giấy ủy quyền ngày 18/5/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14/11/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn là bà Vũ Thị H có ông Nguyễn Hồng V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm số 13034/HĐVTKBPBĐ đã được Văn phòng công chứng Tân Bình chứng nhận ngày 01/8/2017 thì ông Trần Trung K và bà Lê Phượng D đã có vay tiền của bà Vũ Thị H với số tiền vay là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 01/8/2017 với lãi suất vay là 1%/tháng.

Tuy nhiên kể từ khi nhận tiền vay cho đến thời điểm hiện nay ông K và bà D vẫn không trả tiền lãi vay cho bà H, bà H đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu trả tiền lãi vay hàng tháng nhưng ông K và bà D không trả. Đến nay thời hạn vay đã hết, bà H yêu cầu ông K và bà D trả lại tiền nợ gốc và tiền lãi. Cụ thể nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/11/2018 là 180.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.380.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Trung K không có lời khai tại Tòa án,

Tại bản tự khai ngày 17/01/2019 bà Lê Phượng D trình bày: Vào tháng 8/2017 bà và ông K có vay của bà Vũ Thị H 1.200.000.000 đồng, bà H có giữ một số giấy tờ nhà (chưa có giấy chủ quyền nhà) và hứa sau 03 tháng bà H sẽ làm xong giấy tờ nhà cho bà và giới thiệu bà vay tiền tại Ngân hàng để bà trả lại số tiền trên cho bà H. Số tiền vay này hàng tháng bà trả lãi suất là 10% và trả tiền phạt tổng cộng hơn 700.000.000 đồng. Đến tháng 11/2017 khi không làm xong giấy tờ nhà, thì bà H bảo bà đi công chứng số tiền 1.200.000.000 đồng qua hợp đồng đặt cọc nhà 476/24 NTL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 4/2018 nhiều lần thương lượng bà thỏa thuận trả lại tiền cọc không thành bà H đã dọn đồ của bà ra khỏi nhà và khóa cửa lại. Tháng 10/2018 bà làm đơn khởi kiện bà H đến Tòa án nhân dân quận GV về tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Bà Lê Phượng D có gửi đơn đề nghị đề ngày 04/11/2019, yêu cầu Tòa án nhân dân Quận K chuyển toàn bộ hồ sơ tranh chấp hợp đồng vay tài sản đến Tòa án nhân dân quận GV để nhập vào vụ án “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo Thông báo thụ lý số 484/TB-TLVA ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân quận GV.

Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 1392/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 196; khoản 1 Điều 207; Điều 208; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Trung K và bà Lê Phượng D phải thanh toán cho bà Vũ Thị H số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng. Nợ lãi trong hạn từ ngày 01/8/2017 đến 30/7/2018 là 12 tháng với lãi suất 1%/tháng là 144.000.000 đồng, lãi quá hạn từ ngày 01/8/2018 đến ngày xét xử 29/11/2019 là 15 tháng 29 ngày, với lãi suất 1%/tháng là 191.600.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 1.535.600.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự

Ngày 24/12/2019 bị đơn, có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn trình bày: Mỗi quan hệ tranh chấp giữa hai bên thực chất là vay tài sản; Bị đơn xác định khoản vay và lãi theo bản án dân sự sơ thẩm 1392/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 là đúng tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tranh chấp ngày 4/11/2019 bị đơn có văn bản đề nghị nhập vụ án về Tòa án nhân dân quận GV để giải quyết trong vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc. Để đảm bảo cho số tiền vay 1,2 tỷ đồng trong hợp đồng vay tài sản phía nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn ký rất nhiều chứng từ như hợp đồng đặt cọc mua bán nhà, hợp đồng thuê nhà ở, vi bằng nhận tiền vay... khi bị đơn không có khả năng trả lãi thì nguyên đơn đã lập tức cho người chiếm giữ nhà 476/24 NTL, Phường M, quận BT cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận K có công văn đề nghị Tòa án GV trả lời về nội dung liên quan đến tranh chấp hợp đồng đặt cọc mà bị đơn đang khởi kiện nguyên đơn ở Tòa án nhân dân quận GV, nhưng tại thời điểm này Tòa án nhân dân quận GV có yêu cầu bị đơn bổ sung nội dung đơn kiện cho phù hợp nên đến ngày 2/12/2019 vụ án mới được thụ lý theo thông báo thụ lý số 609/TB-TLVA. Và hiện nay vụ án đã được chuyển đến Tòa án quận BT để giải quyết theo thẩm quyền.

Nay đề nghị Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận K và chuyển trả hồ sơ vụ án về và nhập vào hồ sơ vụ án đã được thụ lý số 609/TB-VA ngày 2/12/2019 để giải quyết một cách khách quan và toàn diện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định

Về nội dung kháng cáo: Bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ nội dung tranh chấp về số tiền vay, tiền lãi theo quy định và đã xác minh đầy đủ đối với yêu cầu khởi kiện của ông K, bà D tại Tòa án GV nên việc bị đơn yêu cầu hủy án là không có cơ sở.

Đại diện viện kiểm sát đề nghị: giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1392/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Xét bà D là người cao tuổi nên được miễn tạm ứng án phí kháng cáo và đơn kháng cáo của bà D, ông K được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn

Bị đơn yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng tranh chấp này có liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán nhà mà Tòa án nhân dân quận GV đang thụ lý giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm số 013034/HĐ-VTKBPBD tại Văn Phòng Công chứng Tân Bình ngày 01/8/2017 được ký giữa bà Vũ Thị H và ông bà Trần Trung K, Lê Phụng D, số tiền vay là 1.200.000.000đ, lãi suất 1%/tháng và hai bên xác nhận việc vay nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn xác định có trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất 10%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh và nay bị đơn đồng ý với việc giải quyết của Tòa án Quận K về số tiền gốc lãi theo giấy nợ trên. Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ nội dung khởi kiện của đương sự, xác định tiền gốc lãi theo đúng quy định.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết cấp sơ thẩm đã có công văn gửi Tòa án nhân dân quận GV về việc liên quan đến tranh chấp hợp đồng đặt cọc nêu trên và căn cứ vào công văn trả lời của Tòa án nhân dân quận GV về việc thụ lý hồ sơ tranh chấp hợp đồng đặt cọc thụ lý số 484/2018/TLST-DS ngày 16/10/2018 giữa nguyên đơn bà Lê Phụng D và bị đơn bà Vũ Thị H và đã có quyết định đình chỉ số 521/2019/QĐST-DS ngày 13/11/2019 với lý do nguyên đơn rút kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân Quận K thì phía bà D ông K cũng không có đơn phản tố để xem xét giải quyết yêu cầu trên.

Nay bị đơn xuất trình các tài liệu chứng cứ hiện tranh chấp vụ án liên quan đến hợp đồng đặt cọc đã được Tòa án nhân dân quận GV thụ lý theo thông báo thụ lý vụ án 609/TB-VA ngày 2/12/2019 thì trường hợp này bị đơn vẫn có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân quận GV xem xét giải quyết độc lập.

Từ những nhận định trên, xét cấp sơ thẩm đã điều tra đầy đủ, áp dụng đúng trình tự thủ tục tố tụng nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Vũ Thị H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền án phí đã nộp nộp 26.700.000 (hai mươi sáu triệu bảy trăm ngàn)

đồng theo biên lai thu số 21485 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận K;

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.068.000 (Năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi tám ngàn) đồng. Xét thấy bà Lê Phụng D là người cao vì vậy nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà Lê Phụng D, ông K phải chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm là 29.034.000 (hai mươi chín triệu không trăm ba mươi bốn ngàn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự phúc thẩm tuy nhiên, bà Lê Thị Phụng D là người cao tuổi nên được miễn án phí, ông Trần Trung K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 272, Điều 273, Khoản 2 Điều 296 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 13 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

-Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 1392/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận K.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Trung K và bà Lê Phụng D phải thanh toán cho bà Vũ Thị H số tiền nợ gốc 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng. Nợ lãi trong hạn từ ngày 01/8/2017 đến 30/7/2018 là 12 tháng với lãi suất 1%/tháng là 144.000.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu) đồng, lãi quá hạn từ ngày 01/8/2018 đến ngày xét xử 29/11/2019 là 15 tháng 29 ngày, với lãi suất 1%/tháng là 191.600.000 (một trăm chín mươi một triệu sáu trăm ngàn) đồng. Tổng cộng gốc và lãi 1.535.600.000 (một tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí :

-Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Vũ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền án phí đã nộp 26.700.000 (hai mươi sáu triệu bảy trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 21485 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận K;

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.068.000 (Năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi tám ngàn) đồng. Xét thấy bà Lê Phụng D là người cao vì vậy nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà Lê Phụng D, ông K phải chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm là 29.034.000 (hai mươi chín triệu không trăm ba mươi bốn ngàn) đồng.

-Án phí dân sự phúc thẩm:

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Thị Phụng D là người cao tuổi vì vậy nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà Lê Phụng D, ông Trần Trung K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0007042 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận K .

Kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận K;
- Tòa án nhân dân Quận K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà